

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022**

Được kiểm toán bởi:

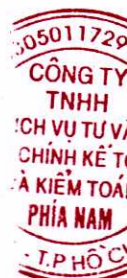
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán:	
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2022	06
- Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2022	07 – 18



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2022.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 5 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 6 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 6 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 1 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2018; Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2020; Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 6 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng Khoán.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

Trụ sở chính tại Hà Nội: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Công ty có hai chi nhánh:

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** Số 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, TP. Đà Nẵng.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Taro Ueno	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2022 phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng số liệu được thể hiện trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2022 phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, phù hợp với các quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2022

T.M. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Điệp Tùng

Số: 4.9.7/BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Kính gửi:

- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được lập ngày 22 tháng 07 năm 2022 từ trang 6 đến trang 18 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT, phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2022

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0624-2018-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1

Công ty CP Chứng Khoán FPT
V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----/-----

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2022

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2022

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật tới kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

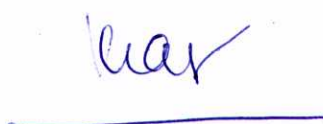
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hương

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Mai Thị Thu Thảo

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



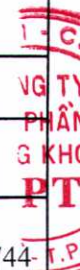
Nguyễn Điệp Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.475.672.970.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	151.496.700		
3	Cổ phiếu quỹ	(12.540.650)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu			
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	89.368.486.792		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	89.366.336.792		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	1.557.109.072.411		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	11.004.841.792		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính		170.704.366	476.825.200.744
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng	3.222.660.663.837	170.704.366	476.825.200.744
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		12.412.800	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			12.412.800	
2	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường				
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			12.412.800	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)				
3	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường				
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng				
4	Các khoản cho vay				
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)				
5	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường				
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng				
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp				
	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)				
7	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống				
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày				
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết				
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm				
	Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
10	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống				
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày				

11729-C
 CÔNG TY
 TNHH
 TƯ VẤN
 VÀ
 KẾ TOÁN
 KIỂM TOÁN
 HÀ NAM
 T.P. HỒ CHÍ MINH

T. C. P.
 HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

11	Phải thu nội bộ			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13	Các khoản phải thu khác			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác		4.896.287.182	
1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		3.210.546.582	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.666.841.017	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		8.800.000	
5	Thuế GTGT được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		10.099.583	
7	Tài sản ngắn hạn khác			
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		4.908.699.982	
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài hạn khác			
II	Tài sản cố định			167.971.761.930
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác			21.901.698.411
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn			864.750.570
2	Chi phí trả trước dài hạn			1.036.947.841
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			20.000.000.000
5	Tài sản dài hạn khác			
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại BCTC năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại điều 5			
1C	Tổng			189.873.460.341
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			10.003.355.355
1	Giá trị ký quỹ			10.003.355.355
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			10.003.355.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng		10.003.355.355	
VỐN KHẢ DỤNG=(1A-1B-1C-1D)				3.494.529.644.537

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1	Tiền mặt (VND)		453.421.752
2	Các khoản tương đương tiền		130.000.000.000
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi		
II. Trái phiếu chính phủ			
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi		
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định		
5.1	Trái phiếu chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB, và EBRD	3%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

III. Trái phiếu tổ chức tín dụng			10.500.000.000
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	70.000.000.000
IV. Trái phiếu doanh nghiệp			
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết				
8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
IV. Cổ phiếu				50.170.623.412
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	491.001.448.140	49.100.144.814

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	367.862.200	55.179.330
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%	21.029.769	4.205.954
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	4.708.662	1.412.599
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	2.019.361.429	1.009.680.715
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
16	Chứng khoán bị tạm dừng giao dịch	40%		
17	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%		
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%		
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%		
VII Chứng khoán phái sinh				
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%		
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%		
VIII. Chứng khoán khác				
23	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%		

0305811
SỞ CÔNG
TƯ
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KẾ
PH
VI - TP

P: 01 -
CÔNG
CỔ PH
HỮNG K
FP
TÂY HỒ - T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

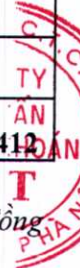
Tại ngày 30/06/2022

25	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn	100%		
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%		
27	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội	10%		
28	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
29	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (Trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
30	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền bảo đảm			



IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)

	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	...			
2	...			



A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX) 60.670.623.412

B. RỦI RO THANH TOÁN

ĐVT: đồng

Giá trị rủi ro

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	35.639.055.529
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	10.885.631.475
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng giao dịch khác (Thuyết minh 3)	
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 4)	2.088.000.000
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	48.612.687.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro	
		0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8%		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác					35.160.000.000	479.055.529	35.639.055.529
2	Cho vay tài sản tài chính/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3	Vay tài sản tài chính/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							

Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán

35.639.055.529

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
2	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức và cá nhân khác	8%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	0-15 ngày sau thời gian thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	95.616	15.299
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%	10.885.616.176	10.885.616.176
	Tổng rủi ro quá thời hạn thanh toán			10.885.631.475

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng giao dịch khác

4. Rủi ro tăng thêm

Chi tiết tới từng khoản cho vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Á	10%	20.880.000.000	2.088.000.000
Tổng			2.088.000.000

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

(ĐVT: đồng)

	Chỉ tiêu	Giá trị
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 6 năm 2022	528.428.920.453
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	15.880.413.329
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	512.548.507.124
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	128.137.126.781
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
	C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})	128.137.126.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2022

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

(ĐVT: đồng)

Chi phí khấu hao	15.721.677.252
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	89.488
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	26.290.000
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	
Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	132.356.589
Chi phí lãi vay	
	15.880.413.329

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	60.670.623.412	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	48.612.687.004	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	128.137.126.781	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	237.420.437.197	
5	Vốn khả dụng	3.494.529.644.537	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	1472%	

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2022

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hương

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Mai Thị Thu Thảo

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Điệp Tùng